

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 123 /2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Hà, ngày 16 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung Toán, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân 2A, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh K T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Trung T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị Mỹ L và anh Nguyễn Trung Toán thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai vợ chồng xác nhận có hai con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Trung T1, sinh ngày 18/7/2005 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 09/10/2006 cho anh Nguyễn Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*) là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị Mỹ L thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Lê Thị Mỹ L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009448 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị Mỹ L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Môn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Trọng Hàn